TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1799**/2019/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 04 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2347/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Anh Trần Văn H, sinh năm 1985.

Trú tại: tổ 2, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983.

Trú tại: 10A, khu phố Tân Cang, P.Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/2012 ngày 01/10/2012. Căn cứ các điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh H và chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh H và chị T có 01 con chung là cháu Trần Trí K, sinh ngày 26/05/2014 . Khi ly hôn, cả hai thống nhất giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Trần Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị T mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000911 ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh H, chị T đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Trí K, sinh ngày 26/05/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Trần Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị T mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000911 ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh H, chị T đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND xã Xuân Tâm, H.Xuân Lộc.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Triều Châu